

PHỤ LỤC I

BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM GỒM ĐẤT TRỒNG LÚA VÀ ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM KHÁC; ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN; ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 41/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)

DVT: 1.000 đồng/m²

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất	
		VT1	VT2
1	Phường Ninh Kiều	250	230
2	Phường Cái Khế	250	230
3	Phường Tân An	250	230
4	Phường An Bình	250	230
5	Phường Bình Thủy	250	230
6	Phường Long Tuyền	250	230
7	Phường Thới An Đông	250	230
8	Phường Cái Răng	220	200
9	Phường Hưng Phú	220	200
10	Phường Ô Môn	220	200
11	Phường Phước Thới	220	200
12	Phường Thới Long	220	200
13	Phường Trung Nhứt	180	160
14	Phường Thuận Hưng	210	190
15	Phường Thốt Nốt	210	190
16	Phường Tân Lộc	210	190
17	Phường Phú Lợi	130	120
18	Phường Sóc Trăng	130	120
19	Phường Mỹ Xuyên	100	90
20	Phường Ngã Năm	100	90
21	Phường Mỹ Quới	90	80
22	Phường Khánh Hòa	80	70
23	Phường Vĩnh Châu	100	90
24	Phường Vĩnh Phước	100	90
25	Phường Vị Thanh	210	190
26	Phường Vị Tân	210	190
27	Phường Long Bình	130	120
28	Phường Long Mỹ	190	170
29	Phường Long Phú 1	150	140
30	Phường Đại Thành	230	210
31	Phường Ngã Bảy	230	210

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất	
		VT1	VT2
32	Xã Phong Điền	150	140
33	Xã Nhơn Ái	150	140
34	Xã Trường Long	120	110
35	Xã Thới Lai	110	100
36	Xã Đông Thuận	90	80
37	Xã Trường Xuân	90	80
38	Xã Trường Thành	110	100
39	Xã Cờ Đỏ	110	100
40	Xã Đông Hiệp	90	80
41	Xã Trung Hưng	90	80
42	Xã Thạnh Phú	90	80
43	Xã Thới Hưng	90	80
44	Xã Vĩnh Thạnh	90	80
45	Xã Vĩnh Trinh	90	80
46	Xã Thạnh An	90	80
47	Xã Thạnh Quới	80	70
48	Xã Hòa Tú	70	60
49	Xã Gia Hòa	70	60
50	Xã Nhu Gia	70	60
51	Xã Ngọc Tố	70	60
52	Xã Trường Khánh	70	60
53	Xã Đại Ngãi	80	70
54	Xã Tân Thạnh	70	60
55	Xã Long Phú	80	70
56	Xã Nhơn Mỹ	80	70
57	Xã An Lạc Thôn	80	70
58	Xã Kế Sách	80	70
59	Xã Thới An Hội	70	60
60	Xã Đại Hải	70	60
61	Xã Phú Tâm	80	70
62	Xã An Ninh	70	60
63	Xã Thuận Hòa	70	60
64	Xã Hồ Đắc Kien	70	60
65	Xã Mỹ Tú	80	70
66	Xã Long Hưng	70	60
67	Xã Mỹ Hương	70	60
68	Xã Tân Long	70	60
69	Xã Phú Lộc	80	70

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất	
		VT1	VT2
70	Xã Vĩnh Lợi	70	60
71	Xã Lâm Tân	70	60
72	Xã Thạnh Thới An	70	60
73	Xã Tài Văn	70	60
74	Xã Liêu Tú	70	60
75	Xã Lịch Hội Thượng	80	70
76	Xã Trần Đề	90	80
77	Xã An Thạnh	80	70
78	Xã Cù Lao Dung	70	60
79	Xã Phong Năm	70	60
80	Xã Mỹ Phước	70	60
81	Xã Lai Hòa	70	60
82	Xã Vĩnh Hải	70	60
83	Xã Hỏa Lựu	140	130
84	Xã Vị Thủy	130	120
85	Xã Vĩnh Thuận Đông	110	100
86	Xã Vị Thanh 1	110	100
87	Xã Vĩnh Tường	100	90
88	Xã Vĩnh Viễn	90	80
89	Xã Xà Phiên	90	80
90	Xã Lương Tâm	90	80
91	Xã Thạnh Xuân	170	150
92	Xã Tân Hòa	180	160
93	Xã Trường Long Tây	110	100
94	Xã Châu Thành	170	150
95	Xã Đông Phước	200	180
96	Xã Phú Hữu	150	140
97	Xã Tân Bình	90	80
98	Xã Hòa An	110	100
99	Xã Phương Bình	90	80
100	Xã Tân Phước Hưng	100	90
101	Xã Hiệp Hưng	110	100
102	Xã Phụng Hiệp	90	80
103	Xã Thạnh Hòa	100	90